

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10 -8-2020  
V/v “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Mai Văn Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1995,

Địa chỉ: ấp PH, xã SĐ, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Cao Hoàng D, sinh năm: 1978,

Địa chỉ: Tổ 07, ấp R, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và anh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23-6-2020 trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Thủy trình bày:*

Chị yêu cầu được ly hôn với chồng tên Cao Hoàng D. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cao Mỹ U, sinh ngày 23-12-2018, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu U, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng chị sống chung vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 01-2020, nguyên nhân do: Vợ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống và tiền bạc, anh D thường xuyên rượu chè không lo cho gia đình từ đó dẫn đến hết tình và vợ chồng ly thân từ tháng 01-2020 đến nay không hàn gắn được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, chị bận đi làm.

Tại bản tự khai ngày 06-7-2020, anh Cao Hoàng D trình bày: Vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2020, vợ chồng cảm thấy không hợp nhau, vợ anh về nhà nuôi chị vợ đẻ nhưng sau đó anh rước không về, vợ anh nói muốn ly hôn. Từ ngày ly thân đến nay vợ chồng không bán việc đoàn tụ lại được, nay anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý cho vợ anh tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T và anh Cao Hoàng D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Cao Hoàng D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Do anh chị tính tình không hợp nhau, anh chị chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 01-2020 đến nay không hàn gắn được. Nay trong quá trình giải quyết vụ án chị T có yêu cầu ly hôn, anh D có ý kiến đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh D có yêu cầu được giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất có 01 con chung tên: Cao Mỹ U, sinh ngày 23-12-2018, hiện chị T đang nuôi dưỡng, giáo dục cháu U. Anh chị thống nhất giao chị T được tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thực tế chị T đang là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu U; việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên cần giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U, là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, **228** và **273** Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Cao Hoàng D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Cao Mỹ U, sinh ngày 23-12-2018. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.**

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012036 ngày 01-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Lê Minh Hiếu*



